TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2021/HN-ST
Ngày: 19/01/2021
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Cao Thị T Trúc.**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: - Bà **Trần Ngọc Sáng**
- Ông **Lư Thành Danh**
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà **Trần Thị Hạnh Nhung** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận C.
- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa*: Ông **Trần Bảo Quốc** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 265/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 231/2020/QĐST-HN ngày 11 tháng 12 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 126/2020/QĐST – HN ngày 29/12/2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **Phạm Thị Phương T,** sinh năm 1983 (có mặt)
HKTT:P. TA, Q. NK, Tp. Cần Thơ.

* *Bị đơn*: Ông **Trần Ngọc Ch,** sinh năm 1981 (vắng mặt)
Tạm trú: KV 8, P. HP, Q. C, Tp. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 14 tháng 9 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Phương T trình bày:*** Bà và ông Trần Ngọc Ch qua thời giam tìm hiểu cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân. Lễ cưới tổ chức vào năm 2003, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/7/2003 tại UBND phường AL, quận NK, thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, cải vả do bất đồng quan điểm sống. Ông Ch thường xuyên nhậu nhẹc không lo làm ăn phụ tiếp gia đình. Mặc dù bà khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông Ch vẫn không thay đổi. Vợ chồng ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn không thể hàn gắn được

nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Ch.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Phương T (nữ), sinh 20/7/2004. Bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* ***Đối với bị đơn ông Trần Ngọc Ch***: Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án có triệu tập ông Ch tuy nhiên ông luôn vắng mặt. Sau khi tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Ch.

Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Ch. Do cháu T có nguyện vọng sống với cha nên bà cũng tôn trọng ý kiến của con. Bà đồng ý để cháu T cho ông Ch trực tiếp nuôi dưỡng. Bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mức 1.500.000đồng/tháng đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Tài sản chung và nợ chung bà xác định không có. Ông Ch vắng mặt.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát quận C:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện tòa án thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn. Ông Ch mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng ông luôn vắng mặt cho thấy ông không tha thiết hàn gắn cuộc hôn nhân này nên việc bà T yêu cầu được ly hôn là có căn cứ. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà T là cho bà được ly hôn ông Ch. Giao cháu T cho ông Ch trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đồng/tháng. Do ông Ch vắng mặt nên cần phần tài sản chung và nợ chung ra nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà T và ông Ch tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định nên xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên bà T có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là "Xin ly hôn" được quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án triệu tập hợp lệ đối với ông Ch, tuy nhiên ông vắng mặt không rỏ lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Ch xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông, bà đã ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có triệu tập các bên đến hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng ông Ch vắng mặt. Cho thấy ông không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bản thân bà T cương quyết yêu cầu được ly hôn và có đơn yêu cầu Tòa án

không tiến hành hòa giải cho thấy bà cũng không còn thiết tha với cuộc hôn nhân này. Xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện của cả 02 bên, nếu một bên không muốn tiếp tục thì dù có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc. Do vậy nên chấp nhận nguyện vọng của bà T là cho bà được ly hôn với ông Ch.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Phương T (nữ), sinh 20/7/2004. Cháu T có nguyện vọng sống cùng cha. Bà T cũng đồng ý để cháu sống cùng cha theo nguyện vọng của cháu. Nên giao cháu T cho ông Ch trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên toà, bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng nên ghi nhận sự tự nguyện này. Thời hạn cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Đồng thời cũng dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho bà T theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có. Do ông Ch vắng mặt nên cần tách ra, nếu sau này có phát sinh tranh chấp các bên sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 147, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Phương T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Phương T được ly hôn với ông Trần Ngọc Ch.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Thị Phương T (nữ), sinh 20/7/2004 cho ông Ch trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho bà T theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà bà đã nộp theo biên lai thu tiền số 006354 ngày 28/9/2020. Bà T phải nộp thêm 300.000đồng.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa cấp trên xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ "để báo cáo".
- VKSND TPCT, Q. C "để theo dõi".
- Các đương sự "để biết".
- THA DS Q. C "để thi hành".
- UBND P.AL, NK.
- Lưu hồ sơ Dân sự.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thị T Trúc

Các hội thẩm nhân dân **Chủ tọa phiên tòa**

Trần Ngọc Sáng ***Lư Thành Danh*** ***Cao Thị T Trúc***